

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3920 /CTYBA-TTHT
V/v chính sách hỗ trợ doanh nghiệp,
người dân chịu tác động của dịch
Covid-19.

Yên Bái, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân kinh doanh
thuộc Cục Thuế tỉnh Yên Bái quản lý.

Ngày 19/10/2021 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về một số giải pháp nhằm hỗ trợ Doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Ngày 27/10/2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 92/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Để triển khai kịp thời Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, Cục Thuế tỉnh Yên Bái hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân kinh doanh cần lưu ý một số nội dung của Nghị định số 92/2021/NĐ-CP như sau:

1. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

1.1 Về đối tượng áp dụng đối với người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15, bao gồm:

- a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- b) Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.
- c) Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- d) Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập.

1.2 Thuế TNDN được giảm:

Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp quy định tại mục 1. 1 có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh

thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

Không áp dụng tiêu chí doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 đối với trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong kỳ tính thuế năm 2020 và năm 2021.

1.3. Cách xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của kỳ tính thuế năm 2021 được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại Điều 1 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP được tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2021, sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4. kê khai giảm thuế:

Căn cứ doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 và dự kiến doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021, doanh nghiệp tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý. Doanh nghiệp xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức được giảm để kê khai theo mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ và trên Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP...

2. Miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Tại Điều 2 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP quy định về miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong quý 3 và quý 4/2021 đối với hộ, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021 do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

3. Giảm thuế giá trị gia tăng

3.1. Giảm thuế giá trị gia tăng kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

a) Dịch vụ vận tải (vận tải đường sắt, vận tải đường thủy, vận tải hàng không, vận tải đường bộ khác); dịch vụ lưu trú; dịch vụ ăn uống; dịch vụ của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

b) Sản phẩm và dịch vụ xuất bản; dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; tác phẩm nghệ thuật và dịch vụ sáng tác, nghệ thuật, giải trí; dịch vụ của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; dịch vụ thể thao, vui chơi và giải trí.

c) Chi tiết hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện theo Phụ lục 1 Danh mục hàng hóa, dịch vụ được giảm mức thuế giá trị gia tăng ban hành kèm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, trong đó hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b không bao gồm phần mềm xuất bản và các hàng hóa, dịch vụ sản xuất kinh doanh theo hình thức trực tuyến.

d) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng.

3. 2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được giảm 30% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại mục 3.1.

b) Doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 30% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại mục 3.1

3.3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với doanh nghiệp, tổ chức quy định tại điểm a mục 3. 2, khi lập hoá đơn giá trị gia tăng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi “mức thuế suất theo quy định (5% hoặc 10%) x 70%”; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

b) Đối với doanh nghiệp, tổ chức quy định tại điểm b mục 3.2, khi lập hoá đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 30% mức tỷ lệ trên

doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 30% mức tỷ lệ để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15”.

3.4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh nhiều hàng hóa, dịch vụ thì khi lập hóa đơn, doanh nghiệp, tổ chức lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng.

3.5. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng chưa được giảm thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót và giao hóa đơn điều chỉnh cho người mua. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

3.6. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế giá trị gia tăng đã phát hành hóa đơn đặt in dưới hình thức vé có in sẵn mệnh giá chưa sử dụng hết và có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện đóng dấu theo giá đã giảm 30% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng hoặc giá đã giảm 30% mức tỷ lệ % bên cạnh tiêu thức giá in sẵn để tiếp tục sử dụng.

3.7. Doanh nghiệp, tổ chức quy định tại Điều 3 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng theo Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP cùng với Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

4. Miễn tiền chậm nộp

Miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗi trong kỳ tính thuế năm 2020.

Trường hợp người nộp thuế đã nộp tiền chậm nộp trước thời điểm Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực thi hành thì không xử lý lại.

Nghị định số 92/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực thi hành (ngày 19/10/2021).

Đề nghị các Doanh nghiệp, các Tổ chức kinh tế, cá nhân kinh doanh nghiên cứu kỹ điều kiện, ngành nghề, sản phẩm hàng hóa dịch vụ được hưởng các chính sách hỗ trợ về Thuế, tiền chậm nộp và thủ tục thực hiện để được miễn, giảm tiền thuế, tiền chậm do tác động của dịch Covid19 theo quy định tại Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, Cục Thuế tỉnh Yên Bái đã đăng tải toàn bộ nội dung

Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP tại địa chỉ Website: <http://yenbai.gdt.gov.vn/> hoặc <http://www.yenbai.gov.vn/>.

Cục Thuế tỉnh Yên Bái thông báo tới các Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn được biết và thực hiện. Trong quá trình triển khai trường hợp phát sinh các vướng mắc đề nghị các Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh phản ánh trực tiếp về Cục Thuế (Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế, Số điện thoại: 02163.856.189 và 02163.858.131) để được hỗ trợ giải đáp./. *lt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- CCT các huyện, TP, Khu vực;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT. *lt*

CỤC TRƯỞNG



[Signature]
Nông Xuân Hùng